

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2026/DS-ST

Ngày: 23/4/2026

Về “tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Ông Trần Văn Lờ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 933/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2026/QĐST-DS ngày 02/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH A.

Địa chỉ: Văn phòng A, tầng A tòa nhà V Đ, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: **Lương Hoàng Dương K, sinh năm 1992** – Giám đốc.

CCCD số: 082092018012

Địa chỉ: ấp N, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: **Luật sư Trần Ngọc Q** – Văn phòng Luật sư Trần Ngọc Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: A T, khu phố A, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh **Phạm Vĩnh Đ**, sinh năm 1995.

CCCD số:

Địa chỉ: ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh K, Luật sư Q có mặt; anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, đại diện theo pháp luật của nguyên ông Lương Hoàng Dương K trình bày:*

Trước đây Công ty TNHH A (gọi tắt là công ty) do anh là người đại diện theo pháp luật có kinh doanh mặt hàng phân bón thức ăn thực vật, anh Phạm Vĩnh Đ có làm cộng tác viên cho Công ty với nhiệm vụ nhận hàng từ công ty, giao hàng cho khách hàng và thu tiền từ khách hàng về nộp cho công ty trong khoảng thời gian từ năm 2024 đến ngày 27/05/2025 là 159.836.000 đồng nhưng anh Đ chưa nộp lại Công ty.

Công ty có liên hệ anh Đ để lập biên bản xác nhận công nợ và lập cam kết thanh toán, nhưng đến nay công ty đã nhiều lần yêu cầu ông Đ thanh toán nhưng ông Đ hứa hẹn rồi thất hứa, cố tình lánh mặt, không nghe máy điện thoại. Đến nay anh Đ vẫn chưa trả lại cho công ty số tiền nói trên, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Do đó Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc anh Phạm Vĩnh Đ phải trả cho Công ty TNHH A số tiền là: 159.836.000 (Một trăm năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn) đồng và phần lãi suất từ ngày 27/5/2025 đến ngày xét xử xong (tính tròn tháng) với mức lãi suất 0,83%/tháng. Yêu cầu anh Đ phải trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Phạm Vĩnh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A ông Lương Dương Hoàng K1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: việc ông Đ nợ tiền công ty là có thật, vì ông Đ có làm cam kết. Do đó, anh K1 yêu cầu ông Đ trả số tiền gốc và tiền lãi chậm trả là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị đơn anh Phạm Vĩnh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu anh Phạm Vĩnh Đ trả lại số tiền anh Đ đang giữ của Công ty trong quá trình làm việc, nên xác định đây là tranh chấp về “đòi lại tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Vĩnh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Phạm Vĩnh Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Để chứng minh cho việc yêu cầu khởi kiện, phía nguyên đã cung cấp 01 Biên bản xác nhận công nợ và 01 Tờ cam kết cùng ngày 27/5/2025 có chữ ký, chữ viết tên “Phạm Vĩnh Đ”. Trong chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện anh Phạm Vĩnh Đ còn nợ Công ty số tiền 159.836.000 đồng và cam kết trả nợ;

[3.2] Anh Phạm Vĩnh Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của phía nguyên đơn cung cấp, nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Đ trả số tiền 159.836.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền 159.836.000 với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 27/5/2025 đến khi Tòa án xét xử vụ án (tính tròn tháng). Xét thấy bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn và chậm thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn, do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể: Thời gian tính lãi từ ngày 27/5/2025 đến ngày xét xử 23/4/2026 tính tròn tháng là 10 tháng. Cụ thể tiền lãi: 159.836.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng là 13.266.388 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 159.836.000 đồng + 13.266.388 đồng = 173.102.388 đồng.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn vắng mặt không có ý kiến. Do vậy, cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét lời trình bày bảo vệ quyền, lợi ích của Nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 166; Điều 280; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

1. Buộc anh Phạm Vĩnh Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH A số tiền tổng cộng là 173.102.388 đồng (*một trăm bảy mươi ba triệu một trăm lẻ hai nghìn ba trăm tám mươi tám đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày Công ty TNHH A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; anh Đ phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Phạm Vĩnh Đ phải chịu 8.655.000 đồng (*tám triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại Công ty TNHH A 4.393.800 đồng (*bốn triệu ba trăm chín mươi ba ngàn tám trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0010983 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm